

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ  
HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
1 . <b>Mục lục</b>	<b>1</b>
2 . <b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
3 . <b>Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>	<b>5 - 8</b>
4 . <b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý II năm 2016</b>	<b>9</b>
5 . <b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý II năm 2016</b>	<b>10 - 11</b>
6 . <b>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý II năm 2016</b>	<b>12 - 32</b>

\*\*\*\*\*

# CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính Quý 2 cho năm tài kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003850 ngày 05 tháng 03 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 10 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi do thay đổi vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam	84.045.790.000	19,91%
Cổ đông khác	338.045.530.000	80,09%
<b>Cộng</b>	<b>422.091.320.000</b>	<b>100,00%</b>

Vốn pháp định

6.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 043 827 1620

Fax : 043 827 1068

E-mail : ducgiangchemco@hn.vnn.vn

Mã số thuế : 0 1 0 1 4 5 2 5 8 8

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Bình Dương Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	Khu công nghiệp Đồng An, xã Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Vận tải bằng đường bộ;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: bán buôn phụ gia thực phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: cho thuê nhà xưởng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: buôn bán các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bitum; các loại sáp khoáng chất;
- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; chi tiết: sản xuất các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bitum; các loại sáp khoáng chất;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: buôn bán máy móc, thiết bị điện và các linh kiện của chúng, vật liệu điện, dụng cụ cơ khí;
- Sản xuất thiết bị điện khác, chi tiết: sản xuất máy móc, thiết bị điện và các linh kiện của chúng, vật liệu điện;

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 5 đến trang 32).

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BỌT GIẶT VÀ HOA CHẤT ĐỨC GIANG**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### ***Hội đồng quản trị***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch	4 tháng 4 năm 2015	
Ông Đào Hữu Duy Anh	Thành viên	4 tháng 4 năm 2015	
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên	4 tháng 4 năm 2015	
Ông Vũ Quốc Tuấn	Thành viên	4 tháng 4 năm 2015	
Ông Vũ Nhất Tâm	Thành viên	4 tháng 4 năm 2015	

#### ***Ban kiểm soát***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Kiên	Trưởng ban	4 tháng 4 năm 2015	
Ông Vũ Minh Thuyết	Thành viên	4 tháng 4 năm 2015	
Ông Nguyễn Tiến Khang	Thành viên	4 tháng 4 năm 2015	

#### ***Ban Giám đốc***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Đào Hữu Huyền	Tổng Giám đốc	09 tháng 5 năm 2007	
Ông Đào Hữu Duy Anh	Phó Tổng Giám đốc	23 tháng 3 năm 2013	
Ông Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	02 tháng 02 năm 2015	

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ Quý II năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,  
**Tổng Giám đốc**



**Đào Hữu Huyền**

Lập ngày 20 tháng 7 năm 2016

# CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>208.432.014.501</b>	<b>195.388.205.313</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>12.931.041.986</b>	<b>1.824.587.537</b>
1. Tiền	111		2.931.041.986	1.824.587.537
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>149.417.021.369</b>	<b>149.138.331.527</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	45.069.370.165	33.250.910.051
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.033.959.537	6.707.942.280
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	95.818.841.020	54.310.135.533
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	494.850.647	55.569.887.613
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	-	(700.543.950)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>39.444.294.339</b>	<b>40.240.262.772</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	39.444.294.339	40.240.262.772
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.639.656.807</b>	<b>4.185.023.477</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.204.874.058	183.806.580
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.434.782.749	4.001.216.897
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán quý II (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>474.995.349.702</b>	<b>478.774.891.030</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>34.820.829.482</b>	<b>38.566.002.810</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	34.820.829.482	38.566.002.810
<i>Nguyên giá</i>	222		108.711.869.730	107.916.569.730
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(73.891.040.248)	(69.350.566.920)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>686.320.429</b>	<b>686.320.429</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	686.320.429	686.320.429
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>439.281.940.000</b>	<b>439.281.940.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		322.211.940.000	304.211.940.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		117.070.000.000	135.070.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>206.259.791</b>	<b>240.627.791</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	206.259.791	240.627.791
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>683.427.364.203</b>	<b>674.163.096.343</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### Bảng cân đối kế toán quý II (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>62.495.456.430</b>	<b>122.321.150.979</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>62.495.456.430</b>	<b>122.321.150.979</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	17.710.050.361	38.734.636.501
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.763.005.311	1.531.451.269
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	6.568.486.015	10.108.915.153
4. Phải trả người lao động	314		6.808.327.857	9.482.980.806
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	-	489.215.128
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	2.389.180.703	44.171.923.183
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	27.256.406.183	17.802.028.939
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán quý II (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>620.931.907.773</b>	<b>551.841.945.364</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>620.931.907.773</b>	<b>551.841.945.364</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		422.091.320.000	422.091.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		422.091.320.000	422.091.320.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.072.000.000	1.072.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(4.410.000)	(4.410.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		101.522.972.832	82.027.677.735
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		96.250.024.941	46.655.357.629
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		78.000.000.000	915.211.483
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.250.024.941	45.740.146.146
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>683.427.364.203</b>	<b>674.163.096.343</b>

Lập ngày 20 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu

Hoàng Thúy Hà

Kế toán trưởng

Đào Thị Mai

Tổng Giám đốc



Đào Hữu Huyền

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2016

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	135.631.794.956	92.939.368.630	257.223.354.026	208.255.631.933
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			2.668.460		-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		135.631.794.956	92.936.700.170	257.223.354.026	208.255.631.933
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	113.900.357.462	76.002.129.414	215.925.517.577	166.247.219.629
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.731.437.494	16.934.570.756	41.297.836.449	42.008.412.304
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.034.672.607	619.625.531	115.990.599.030	1.627.854.155
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	230.778.889	174.745.660	452.094.540	441.044.650
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		44.280.684	71.795.535	74.492.246	68.417.502
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	6.739.236.716	6.907.310.854	13.430.539.772	15.069.493.077
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.925.582.521	2.408.081.587	6.471.648.737	6.681.920.076
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.870.511.975	8.064.058.186	136.934.152.430	21.443.808.656
11.	Thu nhập khác	31	VI.7		291.520	64.863.200	123.264.173
12.	Chi phí khác	32	VI.8	-	-	-	900.000
13.	Lợi nhuận khác	40		-	291.520	64.863.200	122.364.173
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.935.375.175	8.064.349.706	136.999.015.630	21.566.172.829
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	2.532.220.364	1.829.558.737	4.757.437.897	4.819.842.855
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.403.154.811	6.234.790.969	132.241.577.733	16.746.329.974
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9				
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Lập ngày 20 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Hoàng Thủy Hà

Đào Thị Mai



Đào Hữu Huyền



# CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2016

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		136.999.015.630	21.566.172.829
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	4.540.473.328	3.143.486.257
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	83.696.749	(122.949.325)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(115.642.607.016)	(1.047.849.786)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	74.492.246	68.417.502
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.055.070.937	23.607.277.477
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.198.963.772)	(12.861.255.203)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		795.968.433	214.749.282
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(64.434.898.675)	(38.480.661.695)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(986.699.478)	(272.845.709)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(74.492.246)	(68.417.502)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(9.634.106.015)	(7.177.388.749)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.17	144.632.717	642.681.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(2.801.831.226)	(1.597.607.028)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(68.135.319.325)</b>	<b>(35.993.468.127)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(795.300.000)	(28.631.963.640)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(66.881.000.000)	(7.790.026.939)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.023.348.737	57.086.347.779
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		170.934.764.608	31.187.410.454
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>130.281.813.345</b>	<b>51.851.767.654</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý II (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(1.780.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	(2.785.533.186)	17.796.227.464
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	2.785.533.186	(17.796.227.464)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(51.040.039.571)	(16.709.481.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(51.040.039.571)</b>	<b>(16.711.261.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>11.106.454.449</b>	<b>(852.961.473)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.824.587.537</b>	<b>3.439.658.210</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(1.790.295)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>12.931.041.986</b>	<b>2.584.906.442</b>

Người lập biểu

Hoàng Thúy Hà

Kế toán trưởng

Đào Thị Mai

Lập ngày 20 tháng 7 năm 2016

Tổng Giám đốc



Đào Hữu Huyền

# CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2016

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh chính** : Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;  
Cho thuê nhà xưởng;  
Sản xuất và buôn bán các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng;  
Sản xuất và buôn bán nguyên vật liệu và các mặt hàng hóa chất;

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty mẹ không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc công ty

##### Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Cụm Công nghiệp Tầng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Sản xuất, buôn bán nguyên vật liệu và các mặt hàng hóa chất	61,68%	61,68%	61,68%
Công ty CP Hóa chất Đức Giang Đình Vũ (*)	Lô CN5.3K, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Thành phố Hải Phòng.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	30,00%	48,5%	60,0%

(\*) Mặc dù tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần Đức Giang Đình Vũ ít hơn 50% nhưng theo tỷ lệ biểu quyết của Công ty là 60% do có phần biểu quyết gián tiếp 30% từ Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai. Do vậy Công ty Cổ phần Đức Giang – Đình Vũ bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đức Giang - Đình Vũ được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty con" trên Báo cáo tài chính quý II.

##### Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai	Cụm Công nghiệp Tầng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất của ni-tơ	12,02%	12,02%	12,02%

## CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty Cổ phần Hóa chất Bảo Thắng	Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất của ni-tơ	37,02%	37,02%	37,02%
------------------------------------	---	--	--------	--------	--------

*Các đơn vị phụ thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Bình Dương, địa chỉ tại Khu Công nghiệp Đồng An, xã bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh bình Dương.

**6. Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 Công ty có 297 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 298 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Sở giao dịch Hà Nội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Sở giao dịch (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

**Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	2 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	3

**8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**9. Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

**Thặng dư vốn cổ phần**



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần

### **Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

## **10. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

## **11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

### **Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

### 12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm, giảm giá hàng bán, phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

### 13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### 14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 18. Công cụ tài chính

#### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuận hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ****1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.239.181.486	381.246.018
Tiền gửi ngân hàng	1.691.860.500	1.443.341.519
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>12.931.041.986</u></b>	<b><u>1.824.587.537</u></b>

**2 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>304.211.940.000</b>		<b>304.211.940.000</b>	<b>304.211.940.000</b>		<b>304.211.940.000</b>
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai(i)	286.211.940.000		286.211.940.000	286.211.940.000		286.211.940.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ(ii)	18.000.000.000		18.000.000.000	18.000.000.000		18.000.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>135.070.000.000</b>		<b>135.070.000.000</b>	<b>135.070.000.000</b>		<b>135.070.000.000</b>
Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai(iii)	48.070.000.000		48.070.000.000	48.070.000.000		48.070.000.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Bảo Thắng(iv)	87.000.000.000		87.000.000.000	87.000.000.000		87.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>439.281.940.000</u></b>		<b><u>439.281.940.000</u></b>	<b><u>439.281.940.000</u></b>		<b><u>439.281.940.000</u></b>

**Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết**

Các công ty con khác và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300299830 thay đổi lần 3 ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai 286.211.940.000 VND, tương đương với 61,68% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 286.211.940.000 VND, tương đương 61,68% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 022031000132 thay đổi lần thứ nhất do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 5 năm 2015, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ 18.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty đã góp vốn 18.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5300582654 đăng ký thay đổi lần 4 ngày 17 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa Chất Phân bón Lào Cai 48.070.000.000 VND, tương đương 12,02 % vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 48.070.000.000 VND, tương đương 12,02 % vốn điều lệ.

*Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai (DLC)</b>		
Mua hàng từ DLC	89.560.043.279	79.569.766.420
Thuế GTGT đầu vào	8.956.004.328	7.956.976.640
Doanh thu bán hàng hóa	95.456.136	49.776.684
Cước vận chuyển	4.143.072.763	4.962.855.451
Thuế GTGT đầu ra	423.852.893	501.263.216
Chuyển trả tiền hàng cho DLC	135.810.485.519	119.173.643.392
DLC chuyển trả tiền hàng	16.350.940.700	
DLC chuyển trả tiền cổ tức cho DGC	142.612.746.792	30.139.560.668
<b>Công ty Cổ phần Hóa chất và Phân bón Lào Cai (LFC)</b>		
Mua hàng từ LFC	491.085.000	657.357.000
Thuế GTGT đầu vào	49.108.500	65.735.700
Phải thu tiền bảo hiểm nộp hộ	45.886.913	82.120.350
Bán hàng và cung cấp dịch vụ vận chuyển	34.713.262.355	13.135.360.711
Thuế GTGT hàng bán	3.471.326.237	1.313.536.072
LFC trả tiền cổ tức	25.067.391.299	
LFC vay	65.351.000.000	6.514.500.000
LFC trả tiền vay	21.750.501.287	45.983.317.256
LFC trả tiền hàng	33.634.698.718	13.725.804.083
Lãi tiền vay phải thu LFC	1.374.083.715	805.526.939
<b>Công ty Cổ phần Hóa Chất Đức Giang - Đình Vũ</b>		
Chi phí thuê kho DDC	2.789.520.120	
Thuế GTGT đầu vào	278.952.012	
Cho vay	1.530.000.000	470.000.000
Lãi cho vay	276.970.509	242.322.847
Phải thu bảo hiểm nộp hộ	110.648.850	32.583.528
DDC trả tiền bảo hiểm	110.648.850	
DDC trả tiền vay	5.272.847.450	11.331.793.720
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.910.168	
Thuế GTGT hàng bán	291.017	
DDC trả tiền cổ tức	1.603.572.293	

**3 Phải thu ngắn hạn khách hàng****Số cuối kỳ****Số đầu năm**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>10.111.951.312</b>	<b>5.846.628.134</b>
Công ty Cổ phần Hóa chất Bảo Thắng	177.661.529	9.225.002
Công ty Cổ phần Hóa chất Phân Bón Lào Cai	9.934.289.783	5.837.403.132
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>34.957.418.853</b>	<b>27.404.281.917</b>
Công ty TNHH FrieslandCampina Hà Nam	1.594.708.500	1.343.507.000
Công ty TNHH Vico	860.965.600	1.547.676.900
Công ty CP Bột giặt LIX		2.213.497.000
Công ty CP Hóa mỹ phẩm Quốc Tế	1.874.268.396	1.307.667.603
JAYDIP AGENCIES	942.822.720	1.096.494.818
SANDHYA	4.703.424.000	
HINDUSTAN PHOSPHATES PVT LIMITED	2.009.275.118	
KETUL CHEM PVT. LTD	1.917.072.864	
R RINNOVATIVE PVT LTD	1.458.555.834	
SPECTRA CHEMICALS	966.923.314	1.318.078.114
USHACHEM		1.795.971.040
VIDHI DYESTUFFS MFGLTD	1.917.072.864	1.052.299.075
EMCO DYESTUFF P.LTD	958.536.432	609.876.700
UMESH TECHNO	2.859.699.608	3.247.628.225
DEVDHAR CHEMICALS		1.615.753.440
SUN SHINE INTERNATIONNAL PVT LTD	2.074.209.984	5.814.921.997
SUDEEP PHARMA LTD	633.603.770	
Các đối tượng khác	10.186.279.849	4.440.910.005
<b>Cộng</b>	<b>45.069.370.165</b>	<b>33.250.910.051</b>
<b>4 Trả trước cho người bán</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>8.033.959.537</b>	<b>6.707.942.280</b>
Công ty TNHH Cơ điện Đại Dương	150.000.000	150.000.000
Công ty TNHH Đại Long	108.000.000	108.000.000
Công ty Xăng dầu Khu vực I	16.095.179	46.043.308
CN Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Lữ Hành Saigontourist tại Hà Nội	669.741.000	
Công ty TNHH DV TM ô tô Tiến Thành	257.000.000	
Formosa Plastics Corporation		1.085.286.720
Liên đoàn Địa chất Xạ - Hiếm	6.072.977.650	4.972.977.650
Nguyễn Hồng Long	57.859.871	51.043.779
Trung tâm Kiểm định và Công nghệ Địa chất	224.532.000	124.740.000
Các nhà cung cấp khác	477.753.837	169.850.823
<b>Cộng</b>	<b>8.033.959.537</b>	<b>6.707.942.280</b>
<b>5 Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Phải thu về cho vay các bên liên quan</i>	<b>95.818.841.020</b>	<b>54.310.135.533</b>
Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai(i)	88.428.787.204	43.454.204.776
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Đình Vũ(ii)	7.390.053.816	10.855.930.757
<i>Phải khác về cho vay các đối tượng khác</i>		
<b>Cộng</b>	<b>95.818.841.020</b>	<b>54.310.135.533</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai (là bên liên quan) vay với lãi suất 5% năm, thời hạn vay không xác định

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Đình Vũ (là bên liên quan) vay với lãi suất 5% năm, thời hạn vay không xác định.

**6 Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>96.678.290</b>		<b>55.357.175.358</b>	
Công ty Cổ phần Hoá chất Đức Giang Lào Cai			28.646.629.476	
<i>Phải thu tiền cổ tức</i>			28.621.194.000	
<i>Phải thu tiền bảo hiểm xã hội trả hộ</i>			25.435.476	
Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai			25.067.391.299	
<i>Phải thu tiền cổ tức</i>			25.067.391.299	
Công ty Cổ phần Hóa chất Bảo Thắng	96.678.290		39.582.290	
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Đình Vũ			1.603.572.293	
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>398.172.357</b>		<b>212.712.255</b>	
Tạm ứng	309.023.607		106.927.398	
Ký cược, ký quỹ	31.750.000		31.750.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	57.398.750		74.034.857	
<b>Cộng</b>	<b>494.850.647</b>		<b>55.569.887.613</b>	

**7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		700.543.950
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm		43.760.507
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm		10.320.965
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên		646.462.478
<b>Cộng</b>		<b>700.543.950</b>

**8 Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.224.484.396		14.762.087.595	
Chi phí sản xuất KD dở dang	297.203.619		297.232.248	
Hàng mua đang đi đường			48.551.500	
Thành phẩm	18.922.606.324		25.132.391.429	
<b>Cộng</b>	<b>39.444.294.339</b>		<b>40.240.262.772</b>	

**9 Chi phí trả trước**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9a Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vật tư thay thế	813.723.121	15.568.182
Phí bảo hiểm xe	274.984.934	20.969.333
Cước vận chuyển	9.818.181	6.909.091
Phí sử dụng đường bộ	106.347.822	140.359.974
<b>Cộng</b>	<b><u>1.204.874.058</u></b>	<b><u>183.806.580</u></b>

**9b Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất	206.259.791	240.627.791
Chi phí sửa chữa máy		
<b>Cộng</b>	<b><u>206.259.791</u></b>	<b><u>240.627.791</u></b>

**10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	15.212.865.330	46.280.245.169	46.027.473.562	395.985.669	107.916.569.730
Tăng trong kỳ do mua mới		177.454.545	617.845.455		795.300.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>15.212.865.330</u></b>	<b><u>46.457.699.714</u></b>	<b><u>46.645.319.017</u></b>	<b><u>395.985.669</u></b>	<b><u>108.711.869.730</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
còn sử dụng	10.173.446.271	35.765.139.728	1.749.244.819	122.441.542	47.810.272.360
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	12.459.668.888	43.036.439.654	13.580.388.232	274.070.146	69.350.566.920
Tăng do khấu hao trong kỳ	206.981.738	654.934.899	3.632.966.003	45.590.688	4.540.473.328
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>12.666.650.626</u></b>	<b><u>43.691.374.553</u></b>	<b><u>17.213.354.235</u></b>	<b><u>319.660.834</u></b>	<b><u>73.891.040.248</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	2.753.196.442	3.243.805.515	32.447.085.330	121.915.523	38.566.002.810
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.546.214.704</u></b>	<b><u>2.766.325.161</u></b>	<b><u>29.431.964.782</u></b>	<b><u>76.324.835</u></b>	<b><u>34.820.829.482</u></b>

**11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí lập dự án khai thác mỏ quặng Apatit

**12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.612.574.760</b>	<b>21.463.714.918</b>
Công ty Cổ phần Hoá chất Đức Giang - Lào Cai	378.579.640	21.355.652.644
Công ty Cổ Phần Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ	1.088.468.370	
Công ty TNHH Văn Minh	145.526.750	108.062.274
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>	<b>16.097.475.601</b>	<b>17.270.921.583</b>
Công ty Cổ phần TATICO Việt Nam	1.786.036.000	1.946.680.000
Công ty TNHH Bình Dương Chính Long		83.235.240
Công ty TNHH SX nhựa Việt Nhật	626.391.334	233.849.632
Công ty TNHH FC		591.756.000
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư ITVN	99.739.982	32.901.992
Mitsui And Co (asia Pacific) PTE	1.228.975.000	
Công ty thương mại và BB Sài Gòn	67.963.588	527.107.096
Doanh nghiệp tư nhân Cải Là		130.000.000
Công ty Điện Lực Gia Lâm	289.857.700	

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

OCI (HONGKONG) LIMITED	9.965.870.000	10.503.640.000
GIVAUDAN SINGAPORE PTE LTD		140.626.800
Các nhà cung cấp khác	2.032.641.997	3.081.124.823
<b>Cộng</b>	<b>17.710.050.361</b>	<b>38.734.636.501</b>

**13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên có liên quan</i>		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>1.763.005.311</i>	<i>1.531.451.269</i>
Tổng Quang Khải		217.048.637
Công ty TNHH XNK Bình Nguyên Xanh	117.673.602	147.776.398
LENGCHIN GROUPOCO LTD	103.392.784	106.804.985
Phùng Văn Đắc	133.179.591	18.589.741
Trịnh Minh Phú - NPP Hòa Phú	52.938.597	52.938.597
Các khách hàng khác	1.355.820.737	988.292.911
<b>Cộng</b>	<b>1.763.005.311</b>	<b>1.531.451.269</b>

**14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		3.935.599.452	3.935.599.452	
Thuế xuất, nhập khẩu		1.380.200.798	1.380.200.798	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.634.106.015	4.757.437.897	9.634.106.015	4.757.437.897
Thuế thu nhập cá nhân	424.194.344	3.882.751.060	4.235.897.286	71.048.118
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	50.614.794	1.740.000.000	50.614.794	1.740.000.000
Các loại thuế khác		4.000.000	4.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>10.108.915.153</b>	<b>15.699.989.207</b>	<b>19.240.418.345</b>	<b>6.568.486.015</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	136.999.015.630	21.566.172.829
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	(113.211.826.147)	342.203.784
- Các khoản điều chỉnh tăng	779.726.645	342.203.784
- Các khoản điều chỉnh giảm	(113.991.552.792)	
Cổ tức là lợi nhuận được chia	(113.991.552.792)	
Thu nhập chịu thuế	23.787.189.483	21.908.376.613
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	23.787.189.483	21.908.376.613
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	4.757.437.897	4.819.842.855
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>		
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>4.757.437.897</b>	<b>4.819.842.855</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>4.757.437.897</b>	<b>4.819.842.855</b>

**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 54.312m<sup>2</sup> và 1.739,8m<sup>2</sup> đất đang sử dụng với mức thuê lần lượt là 3.124.177.699VND/năm và 30.624.029VND/năm theo quy định tại thông báo của cơ quan thuế

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi thường doanh số		51.920.418
Tiền điện		437.294.710
<b>Cộng</b>		<b>489.215.128</b>

**16 Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên có liên quan</i>		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	2.389.180.703	44.171.923.183
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	378.760.749	741.161.822
Kinh phí công đoàn	235.068.414	150.518.902
Tiền nhận đặt cọc xe	1.196.451.000	663.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	515.145.978	42.502.199.542
Phải trả về cổ phần hóa	63.754.562	63.754.562
Phải trả, phải nộp khác		51.288.355
<b>Cộng</b>	<b>2.389.180.703</b>	<b>44.171.923.183</b>

**17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	10.283.127.193		1.502.630.000	8.780.497.193
Quỹ phúc lợi	7.518.901.746	12.256.208.470	1.299.201.226	18.475.908.990
<b>Cộng</b>	<b>17.802.028.939</b>	<b>12.256.208.470</b>	<b>2.801.831.226</b>	<b>27.256.406.183</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính quý I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 18. Vốn chủ sở hữu

#### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	334.993.660.000	1.072.000.000	(2.630.000)	69.606.132.247	124.677.619.314	530.346.781.561
Tăng vốn trong năm	87.097.660.000	-	(1.780.000)	-	(87.097.660.000)	(1.780.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	87.868.043.096	87.868.043.096
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	12.421.545.488	(19.874.472.781)	(7.452.927.293)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(58.918.172.000)	(58.918.172.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>422.091.320.000</b>	<b>1.072.000.000</b>	<b>(4.410.000)</b>	<b>82.027.677.735</b>	<b>46.655.357.629</b>	<b>551.841.945.364</b>
Số dư đầu năm nay	422.091.320.000	1.072.000.000	(4.410.000)	82.027.677.735	46.655.357.629	551.841.945.364
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(31.606.870.850)	(31.606.870.850)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	19.495.295.097	132.241.577.733	151.736.872.830
Điều chỉnh theo thông tư 200	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	(51.040.039.571)	(51.040.039.571)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>422.091.320.000</b>	<b>1.072.000.000</b>	<b>(4.410.000)</b>	<b>101.522.972.832</b>	<b>96.250.024.941</b>	<b>620.931.907.773</b>



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Vốn góp của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	84.045.790.000	66.703.010.000
Các cổ đông khác	338.045.530.000	268.290.650.000
Cổ phiếu quỹ	(4.410.000)	(2.630.000)
<b>Cộng</b>	<b>422.091.320.000</b>	<b>334.991.030.000</b>

**18b Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.209.132	42.209.132
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	42.209.132	42.209.132
- Cổ phiếu phổ thông	42.209.132	42.209.132
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(441)	(441)
- Cổ phiếu phổ thông	(441)	(441)
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.208.691	42.208.691
- Cổ phiếu phổ thông	42.208.691	42.208.691
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**18c Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ Công ty đã trả cổ tức đợt 2 theo Nghị quyết HĐQT số 03/2016/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 4 năm 2016 như sau:

* Trả cổ tức đợt 2 cho các cổ đông	<b>VND</b> 51.040.039.571
------------------------------------	------------------------------

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**1a Tổng doanh thu**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	257.223.354.026	208.255.631.933
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	226.406.091.317	187.393.902.435
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.817.262.709	20.861.729.498
<b>Cộng</b>	<b>257.223.354.026</b>	<b>208.255.631.933</b>

**1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Công ty TNHH Văn Minh như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.493.357.823	26.213.855.313
Thuế GTGT đầu ra	2.843.617.929	2.618.068.865
<b>Cộng</b>	<b>32.336.975.752</b>	<b>28.831.924.178</b>

**2 Giá vốn hàng bán**

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã cung cấp	193.816.940.990	152.613.102.996
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.108.576.587	13.634.116.633
<b>Cộng</b>	<b>215.925.517.577</b>	<b>166.247.219.629</b>
<b>3 Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	7.733.689	4.561.235
Lãi tiền cho vay	1.651.054.224	1.047.849.786
Cổ tức, lợi nhuận được chia	113.991.552.792	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		122.949.325
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	340.258.325	452.493.809
<b>Cộng</b>	<b>115.990.599.030</b>	<b>1.627.854.155</b>
<b>4 Chi phí tài chính</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	74.492.246	68.417.502
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	377.602.294	372.627.148
<b>Cộng</b>	<b>452.094.540</b>	<b>441.044.650</b>
<b>5 Chi phí bán hàng</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	4.864.720.953	4.121.453.728
Chi phí vật liệu, bao bì	500.645.780	196.707.823
Chi phí khấu hao TSCĐ	221.469.044	274.278.641
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.516.900.138	7.208.165.302
Chi phí bằng tiền khác	1.326.803.857	3.268.887.583
<b>Cộng</b>	<b>13.430.539.772</b>	<b>15.069.493.077</b>
<b>6 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.004.666.845	3.552.453.967
Chi phí vật liệu quản lý	94.966.864	133.784.134
Chi phí khấu hao TSCĐ	773.517.696	433.551.451
Thuế, phí và lệ phí	1.744.000.000	1.698.445.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài	377.112.132	242.283.701
Chi phí bằng tiền khác	477.385.200	621.401.324
<b>Cộng</b>	<b>6.471.648.737</b>	<b>6.681.920.076</b>
<b>7 Thu nhập khác</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền đền bù làm đường		123.264.173
Thu nhập khác	64.863.200	
<b>Cộng</b>	<b>64.863.200</b>	<b>123.264.173</b>
<b>8 Chi phí khác</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khác		900.000
<b>Cộng</b>		<b>900.000</b>



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Công ty con
Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hóa Chất Đức Giang Đình Vũ	Công ty con
Công ty TNHH Văn Minh	Giám đốc Công ty TNHH Văn Minh là vợ của Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là Công ty con và Công ty liên kết như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tập đoàn hóa chất</b>		
Tạm ứng cổ tức năm 2014		3.335.150.500
Trả cổ tức năm 2015	18.565.715.011	
<b>Công ty TNHH Văn Minh</b>		
Thu tiền hàng	2.832.569.561	9.474.892.163
Giá trị hàng hóa mua vào	29.015.302.682	17.478.109.269
Thuế GTGT hàng hóa mua vào	2.768.508.863	1.737.742.099

**2 Báo cáo bộ phận**

Báo cáo bộ phận được trình bày trong báo cáo hợp nhất

**3 Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

**3a Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

*Phải thu khách hàng*





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Từ 1 năm trở</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ				
Phải trả người bán	17.710.050.361			17.710.050.361
Các khoản phải trả khác	2.389.180.703			2.389.180.703
<b>Cộng</b>	<b>20.099.231.064</b>			<b>20.099.231.064</b>
	<u>Từ 1 năm trở</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ				
Phải trả người bán	38.734.636.501			38.734.636.501
Các khoản phải trả khác	135.554.965			135.554.965
<b>Cộng</b>	<b>38.870.191.466</b>			<b>38.870.191.466</b>

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**3c Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

*Rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

**3d Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 30 tháng 9 năm 2016.

**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính****Giá trị ghi sổ****Giá trị hợp lý**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.931.041.986	1.824.587.537	12.931.041.986	1.824.587.537
Phải thu khách hàng	45.069.370.165	33.250.910.051	45.069.370.165	33.250.910.051
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	95.818.841.020	54.310.135.533	95.818.841.020	54.310.135.533
Phải thu khác	89.148.750	1.709.357.150	89.148.750	1.709.357.150
<b>Cộng</b>	<b>153.908.401.921</b>	<b>91.094.990.271</b>	<b>153.908.401.921</b>	<b>91.094.990.271</b>

**Nợ phải trả tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>		<b>Giá trị hợp lý</b>	
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay và nợ</b>				
Phải trả người bán	17.710.050.361	38.734.636.501	17.710.050.361	38.734.636.501
Các khoản phải trả khác	2.389.180.703	135.554.965	2.389.180.703	135.554.965
<b>Cộng</b>	<b>20.099.231.064</b>	<b>38.870.191.466</b>	<b>20.099.231.064</b>	<b>38.870.191.466</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Lập ngày 20 tháng 7 năm 2016

**Người lập biểu**

**Hoàng Thúy Hà**

**Kế toán trưởng**

**Đào Thị Mai**



**Đào Hữu Huyền**